



shùn chā

顺差

Noun · Trade surplus

Example Sentences

jīn nián wǒ men guó jiā de mào yì shì shùn chā
今年我们国家的贸易是顺差。

This year, our country has a trade surplus.

qù nián wǒ guó duì wài mào yì bǎo chí le jiào dà de shùn chā
去年我国对外贸易保持了较大的顺差。

Last year, our country maintained a relatively large trade surplus in foreign trade.

Trace each character, then write the word on your own.

顺	顺	顺	顺	顺	顺	顺	顺	顺	顺	顺
顺										

差	差	差	差	差	差	差	差	差	差	差
差										
